

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-6-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
chia tài sản chung của vợ chồng  
khi ly hôn giữa bà H và ông T.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Đông Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lương Văn Cầu

Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định Tạm ngừng phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà T T K H, sinh ngày 05-6-2000

CMND số 352541733 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 19-4-2018

Nơi cư trú: Số nhà 163, Tổ 9, ấp M T, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh An Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01-10-2021

***2. Bị đơn:*** Ông H H T, sinh ngày 09-9-1999

CCCD số 089099008029 cấp ngày 22-11-2021

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp T H, xã B T, huyện C T, tỉnh An Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn, Tờ tự khai ngày 15-5-2021 và Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01-10-2021, nguyên đơn bà T T K H trình bày:*

+Về hôn nhân: Bà và ông H H T kết hôn năm 2015, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B T, huyện C T, tỉnh An Giang số 20 ngày 11-5-2020. Vợ chung sống hạnh phúc khoảng vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn do ông T nhậu nhẹt thường xuyên, không lo làm ăn, bà khuyên can thì ông T kiêu chuyện mắng chửi, thậm chí còn đánh đập bà. Bà tìm cách lánh mặt đi nơi khác sinh sống. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xin ly hôn với ông H H T.

+Về con chung: Có 02 con chung tên H H T, sinh ngày 09-12-2016 và H H H, sinh ngày 13-01-2019. Ông T và mẹ chồng tên L T P đang nuôi dưỡng. Sau khi bà nộp đơn xin ly hôn và được tòa án thụ lý giải quyết thì ông T đã mang 02 con giao bà nuôi dưỡng. Nếu ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: Có 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu trắng, biển số 67C1 – 663.71, đứng tên chủ sở hữu H H T. Xe trị giá 19.000.000đ. Bà xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Do bà và ông T đã thỏa thuận xong. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H H T, nhưng ông T vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 01-3-2022 và ngày 23-3-2022, Tòa án đến nhà ông T để ghi lời khai, nhưng ông T vắng mặt tại nhà. Do đó, Tòa án không nhận được ý kiến của ông T.*

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:*

*1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

*2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung tiếp tục ổn định cho bà H nuôi con, đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn bà T T K H, bị đơn ông H H T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự,

Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với nguyên đơn bà H và bị đơn ông T.

[2] *Về hôn nhân*: Bà T T K H và ông H H T kết hôn năm 2015, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B T, huyện C T, tỉnh An Giang số 20 ngày 11-5-2020 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Bà H có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa bà H và ông T, nhưng ông T nhiều lần vắng mặt nên không hòa giải được.

*Xét thấy*: Giữa bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông T nhậu nhẹt thường xuyên, không lo làm ăn, còn đánh bà H, nên vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không êm ấm, không hạnh phúc. Sau khi thụ lý vụ án tòa án nhiều lần tổ chức hòa giải, nhưng ông T không tham gia hòa giải, bà H có đơn xin không tham gia hòa giải. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà H được ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung*: Bà T T K H và ông H H T có 02 con chung, hiện bà H đang nuôi con. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Ông T không có ý kiến.

*Xét thấy*: Cháu T chỉ hơn 5 tuổi, cháu H chỉ hơn 3 tuổi hiện đang sống với bà H, bà H nuôi con chu đáo. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của 2 cháu; Hội đồng xét xử xét thấy nên để cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Bà H xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Do bà H và ông T đã thỏa thuận xong. Không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung.

[6] *Về nợ chung*: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình

sơ thẩm, được khấu trừ vào 600.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007392 ngày 31-5-2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Hoàn trả cho bà H 300.000đ.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn bà H, bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Bà T T K H được ly hôn với ông H H T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 11-5-2020 của UBND xã B T, huyện C T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về con chung*: Bà T T K H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên H H T, sinh ngày 09-12-2016 và H H H, sinh ngày 13-01-2019.

Bà T T K H và các thành viên trong gia đình bà H không được cản trở ông H H T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông H H T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn của bà T T K H.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn bà T T K H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 600.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007392 ngày 31-5-2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Hoàn trả cho bà T T K H 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn bà T T K H, bị đơn ông H H T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã B T, huyện C T, tỉnh An Giang);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Đông Hoà**